

Sự tiến hóa của các lý thuyết phát triển nông thôn

ĐÀO THẾ TUẤN

Vấn đề phát triển nông thôn là một vấn đề phức tạp. Từ các năm 1950 đã có nhiều thuyết phát triển nông thôn và đã có các hướng phát triển khác nhau, có lúc trái ngược nhau. Muốn xác định chiến lược và nội dung phát triển nông thôn (PTNT) phải biết lịch sử của vấn đề.

1. Các lý thuyết phát triển nông nghiệp

Từ năm 1950 đến các năm đầu thế kỷ XXI, lịch sử phát triển có thể chia làm 3 thời kỳ:

- *1950-1969: vai trò của nông nghiệp trong sự phát triển.* Trong các năm 1950 các thuyết kinh tế học phát triển không coi nông nghiệp là một nhân tố của phát triển. A. Lewis (1954) trình bày mô hình phát triển gồm hai khu vực: khu vực tư bản chủ nghĩa hiện đại và khu vực bản địa không tư bản. Mô hình này hoạt động chủ yếu do sự chuyển lao động từ khu vực tự cấp có năng suất lao động thấp sang khu vực tư bản chủ nghĩa có khả năng phát triển vì dùng lợi nhuận để tái đầu tư. Lao động ở khu vực bản địa không hạn chế, do đó sự phát triển được tiến hành cho đến lúc hai khu vực cân bằng nhau. Nhiều nhà kinh tế đã phát triển thêm mô hình này, coi khu vực I là công nghiệp và khu vực II là nông nghiệp. Chiến lược phát triển chủ yếu là chuyển lao động dư thừa từ nông nghiệp sang công nghiệp và nông nghiệp bị coi nhẹ. Các nhà phát triển nông nghiệp thời kỳ này chủ yếu chủ trương chuyển giao công nghệ nông nghiệp từ các nước tiên tiến sang các nước lạc hậu qua mô hình khuyến nông của Mỹ và các chương trình PTNT cộng đồng.

Sang các năm 1960 Johnston và Mellor (1961) cho rằng nông nghiệp có vai trò đóng góp cho sự phát triển thông qua sự cung cấp

lao động, vốn, ngoại tệ, thực phẩm và thị trường cho công nghiệp. T. Shultz (1964) cho rằng tiểu nông là các tác nhân đầu tư các nguồn lợi của mình một cách hợp lý và ra các quyết định có hiệu quả, cái mà họ thiếu là công nghệ và nghiên cứu nông nghiệp quốc tế dẫn đến cuộc cách mạng xanh ở các nước châu Á. Kinh tế hộ nông dân được coi là động cơ của sự phát triển.

- *Các năm 1970: tăng trưởng và công bằng.* Sang đến các năm 1970 khoa học phát triển chú ý hơn đến việc làm và sự phân phối thu nhập: tăng trưởng và công bằng. Các chương trình phát triển nông thôn tổng hợp ra đời để nhằm tăng năng suất nông nghiệp đi đôi với việc cung cấp các nhu cầu cơ bản của con người như sức khỏe, giáo dục và các dịch vụ xã hội. Tuy vậy nhiều dự án PTNT tổng hợp cung cấp các dịch vụ xã hội nhanh hơn các cơ sở kinh tế bảo đảm cho chúng. Trong thời kỳ này nhiều vấn đề lý thuyết được nghiên cứu sâu: phân phối thu nhập, việc làm, thị trường đầu ra, tăng năng suất lao động, hệ thống nông trại (farming systems) và kinh tế hộ nông dân dựa vào lý thuyết kinh tế nông dân của Tchayanov.

- *Các năm 1980 và 1990: cải cách vĩ mô và thể chế, an ninh thực phẩm và phát triển bền vững.* Sang các năm 1980 xu hướng điều chỉnh cơ cấu và tự do hóa thị trường phổ biến trong kinh tế thế giới, còn gọi là "Đồng thuận Washington" (Washington consensus) chủ trương phải mở cửa thị trường và giảm vai trò của nhà nước. Trong thời kỳ này nhà nước rút lui khỏi các chương trình phát triển nông thôn để cho thị trường cung cấp các dịch vụ cho nông dân. Việc điều chỉnh cơ cấu

Đào Thế Tuấn, GS. VS. Hà Nội.

dẫn đến việc thay chiến lược thay thế nhập khẩu bằng chiến lược hướng xuất khẩu và phát triển buôn bán nông sản. Xu hướng kinh tế học thể chế mới (New institutional economics) dẫn đến việc nghiên cứu lịch sử phát triển và cho thấy con đường phát triển rất đa dạng và coi trọng ảnh hưởng của thông tin và chi phí trao đổi. Việc phát triển do thị trường lôi kéo (market pull) cũng thay thế cho việc thúc đẩy bằng công nghệ (technology push). Việc phi tập trung hóa và dân chủ hóa cũng được đề cao. Vai trò của xã hội dân sự cũng ngày càng quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ nông nghiệp.

Cũng trong thời gian này, xu hướng Hệ thống nông nghiệp (Agrarian systems) bắt đầu phát triển chủ trương phải tiến hành PTNT từ dưới lên, có sự tham gia của quần chúng nông dân, chú ý các tri thức bản địa và các vùng sinh thái khó khăn.

Đến cuối các năm 1990 bắt đầu phát triển xu hướng “Sinh kế bền vững” (Sustainable livelihoods) trong đó bao gồm cả các mục tiêu giảm nghèo, phát triển bền vững và sinh kế (Carney, 1998). Xu hướng này cho rằng mục tiêu của hộ nông dân là “Sinh kế bền vững” bao gồm vốn con người (giáo dục, tay nghề, sức khỏe), vốn vật chất, vốn xã hội (social capital), vốn tài chính, vốn tự nhiên. Các chiến lược về sinh kế mà hộ theo đuổi gồm nhiều hoạt động để tiếp xúc và sử dụng các tài sản ấy một cách đa dạng. Đầu thiên niên kỷ 2000, xu hướng giảm nghèo gắn liền với mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc đã đặt ra những vấn đề mới trong phát triển nông thôn.

2. Các ý tưởng về phát triển nông thôn

F. Ellis và S. Biggs (2001) đã tổng kết lại các ý tưởng về PTNT từ năm 1950 đến nay:

Các năm 1950	Các năm 1960	Các năm 1970
Hiện đại hóa Mô hình kinh tế hai thành phần Phát triển cộng đồng	Tiếp cận chuyển đổi Chuyển giao kỹ thuật Cơ giới hóa Khuyến nông Nông nghiệp thúc đẩy tăng trưởng Cách mạng xanh (bắt đầu) Nông dân hợp lý, kinh tế hộ nông dân	Tăng trưởng với phân phối lại Nhu cầu cơ bản Phát triển nông thôn tổng hợp Chính sách nhà nước Tín dụng nhà nước Thiên lệch về đô thị Sáng tạo được thúc đẩy Cách mạng xanh (tiếp) Các quan hệ tăng trưởng nông thôn: phi nông nghiệp
Các năm 1980	Các năm 1990	Các năm 2000
Điều chỉnh cơ cấu Tự do hóa thị trường Làm cho giá đúng Nhà nước rút lui Phi chính phủ nổi lên Đánh giá nông thôn nhanh Nghiên cứu hệ thống nông nghiệp Phân tích an toàn thực phẩm và đối PTNT là quá trình không phải là sản phẩm Phụ nữ trong phát triển Giảm nhẹ nghèo	Tín dụng nhỏ Đánh giá nông thôn có tham gia PTNT hướng vào tác nhân Mạng lưới an toàn Giới và phát triển Môi trường và bền vững Giảm nghèo	Sinh kế bền vững Trị lý tốt Phi tập trung hóa Phê phán sự tham gia Tiếp cận ngành rộng Bảo vệ xã hội Xoá nghèo

Trong thời gian qua, có một số lý thuyết kinh tế học không thuộc về lĩnh vực PTNT nhưng có ảnh hưởng rất lớn

đến chiến lược và nội dung của lĩnh vực này và đã đặt cơ sở lý luận cho cho việc PTNT là:

- Lý thuyết *Kinh tế hộ nông dân* bắt đầu được A. Tshayanov đề xuất từ năm 1924. Năm 1966, cuốn "Lý thuyết kinh tế nông dân" của Ông được dịch ra tiếng Anh mở đầu cho một trào lưu nghiên cứu kinh tế nông dân. T. Schultz trong cuốn "Chuyển đổi nông nghiệp truyền thống" (1964) cho rằng tăng trưởng nông nghiệp dựa trên việc sử dụng nguồn lợi hiệu quả của hộ nông dân nhỏ. Nguyên nhân của sự nghèo khổ là do thiếu kỹ thuật thích hợp và đầu tư vào vốn con người. Lý thuyết này đã thúc đẩy cả một trào lưu nghiên cứu về nông dân học (Peasant studies) và về mô hình nông hộ mới (New household models). Chính việc nghiên cứu này đã đặt cơ sở lý luận cho sự chính thống của tiểu nông (Small farm orthodoxy).

- Lý thuyết *Cách mạng xanh* (Green revolution) trong các năm 1960 và 1970 đã mở đầu cho sự phát triển nông nghiệp ở các nước đang phát triển, giúp giải quyết sự thiếu hụt về lương thực. Đây không hoàn toàn là một lý thuyết khoa học mà là cả một trào lưu nghiên cứu nhằm xây dựng một hệ thống nghiên cứu khoa học nông nghiệp quốc tế, nhằm cung cấp cho tiểu nông các công nghệ tiên tiến và cả một hệ thống dịch vụ nông nghiệp làm cơ sở cho việc PTNT ở châu Á. Phong trào này đã thúc đẩy việc giải quyết vấn đề an ninh lương thực ở châu Á và châu Mỹ Latinh nhưng lại không thành công ở châu Phi vì những đặc điểm về sinh thái và thể chế ở châu lục này.

- Lý thuyết *Hệ thống nông nghiệp* (Agrarian systems) với các tiếp cận hệ thống, liên ngành và từ dưới lên đã giúp xây dựng một tác phong nghiên cứu mới có sự tham gia của nông dân để giúp nông dân giải quyết việc phát triển trong hệ sinh thái của mình, bảo vệ các nguồn lợi tự nhiên. Lý thuyết này coi trọng đặc điểm của hệ sinh thái, các kiến thức bản địa của nông dân, huy động sự tham gia của các tác nhân cùng tham gia vào việc xây dựng các mối quan hệ trong nông thôn nối liền nông nghiệp với

khu vực phi nông nghiệp ở nông thôn, giải quyết việc làm và tăng thu nhập của nông dân.

Nội dung nghiên cứu của lý thuyết này trong mấy chục năm qua cũng tiến hóa:

- 1960-1970: quản lý nông trại, hệ thống cây trồng, phân phối nguồn lợi của hộ nông dân, sử dụng công nghệ.

- 1970-1980: chẩn đoán sinh thái và kinh tế xã hội, nông dân tham gia nghiên cứu, chú ý nhiều hơn đến các vấn đề kinh tế xã hội.

- 1980-1990: đánh giá nông thôn có sự tham gia, tổ chức nông dân, sự tham gia của các tác nhân của ngành hàng.

- Lý thuyết về "*Sinh kế bền vững*" là một xu hướng mới do nhiều tổ chức đề xuất chủ trương làm việc với nhân dân, dựa vào sức mạnh và tiềm năng của họ, bằng cách xác định cản trở của hộ và tìm cách giải quyết bằng các chính sách và thể chế. Có nhiều phương án khác nhau hình thành xu hướng này như:

- Gây dựng tài sản (vật lý, con người, tài chính, tự nhiên và xã hội) của USAID, Ford foundation.

- Phát triển do cộng đồng (Community driven development) của WB.

- Phát triển cộng đồng dựa vào gây dựng tài sản (Asset based community development) của USAID, Ford foundation, Coady.

- Lý thuyết *kinh tế học thể chế mới* (New institutional economics) là một lý thuyết lớn trong kinh tế học hiện đại, đã góp phần vào việc xây dựng các thể chế của ba khu vực: *nhà nước, thị trường và xã hội dân sự* bảo đảm cho sự phát triển một cơ sở kinh tế xã hội bền vững. Trong lĩnh vực PTNT, thể chế cần cho việc xây dựng các chính sách, hoàn chỉnh thị trường và phát triển các tổ chức nông dân và xã hội dân sự.

Phương pháp nghiên cứu ngành hàng của Pháp (étude des filières) và của Anh, Mỹ (value chains) đã giúp nhiều cho việc phát triển các thể chế thị trường, đặc biệt trong

thông tin thị trường và hạ thấp chi phí trao đổi.

Vai trò của nông nghiệp trong tăng trưởng kinh tế

Trên thế giới không có nước nào có thể chuyển nhanh khỏi tình trạng nghèo khổ mà không tăng nhanh năng suất nông nghiệp. Quá trình này là chuyển đổi cơ cấu kinh tế bằng cách tăng năng suất, cung cấp thực phẩm, lao động và cả tiết kiệm cho quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa. Một nền nông nghiệp năng động tăng năng suất lao động trong kinh tế nông thôn, tăng thu nhập và giảm số người nghèo (P. Timmer, 2005).

Từ giữa các năm 1980 các nhà khoa học và các nước giàu giảm quan tâm đến nông nghiệp vì giá nông sản trên thị trường thế giới giảm dần trong vài chục năm qua. Giá thấp có lợi cho người tiêu dùng nhưng làm cho nông nghiệp tăng chậm, ít có tác dụng đến sự phát triển.

Tuy vậy gần đây lại có sự quan tâm lớn hơn đến nông nghiệp do mấy lý do sau:

- Các thành tựu về công nghệ sinh học khiến có hy vọng có thể tăng nhanh năng suất của các nước đang phát triển.

- Việc phát triển của siêu thị khiến nông dân có thể đa dạng hóa sản xuất đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Thực tế phát triển vài chục năm qua cho thấy phát triển nông nghiệp có thể làm giảm nghèo ở nhiều nước. Trong quá trình phát triển, bước đầu tiên là đa dạng hóa từ lương thực sang các nông sản có giá trị cao, bước tiếp theo là lúc gia nhập vào các ngành hàng có giá trị cao sẽ cải thiện chất lượng, tăng an toàn thực phẩm đạt các tiêu chuẩn hàng hóa cao. Bước tiếp theo là sự phát triển của nông nghiệp sẽ dẫn đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ trong phát triển nông thôn. Nơi nào không đa dạng hóa được sản xuất sẽ chuyển hoạt động kinh tế từ nông thôn ra đô thị qua việc di dân ra đô thị. Ngoài ra

việc buôn bán quốc tế cũng sẽ thúc đẩy việc tăng chất lượng nông sản.

Đa dạng hóa sản xuất sẽ làm tăng thu nhập. Muốn đa dạng hóa sản xuất phải:

1. Tăng năng suất lương thực nơi nào nông dân còn tiếp tục trồng.

2. Dùng lương thực giá thấp để thúc đẩy đa dạng hóa, tăng thu nhập và dùng lương thực làm thức ăn gia súc.

Vấn đề *vai trò của nông nghiệp trong sự phát triển kinh tế* mặc dù đã được nghiên cứu nhiều vẫn là phức tạp, vì vai trò của nông nghiệp thay đổi trong quá trình phát triển và tình hình của các nước khác nhau rất lớn.

Gần đây *vấn đề quan hệ giữa nông nghiệp và giảm nghèo* lại được tranh luận nhiều.

Một công trình nghiên cứu của Besley, Burgess và Esteve-Volart (2004) phân tích các số liệu của Ấn Độ cho thấy công nghiệp và dịch vụ đóng góp vào việc giảm nghèo mạnh hơn nông nghiệp.

Trái lại B. Sen, Mujeri và Shahabudin (2004) phân tích số liệu của Bangladesh và Bonshab và Klump (2004) phân tích số liệu của Việt Nam lại cho thấy nông nghiệp là nhân tố chủ yếu quyết định giảm nghèo.

P. Timmer (2005) phân tích số liệu của Indônêxia cho thấy chính sách thúc đẩy nông nghiệp từ năm 1967 đến năm 1997 đã làm giảm nghèo nhanh.

Tuy vậy Brandt (1993) và Van Der Eng (1993) dùng mô hình cân bằng tổng thể phân tích lại các số liệu của Nhật Bản cho thấy: trong thời kỳ sau duy tân, nông nghiệp không đóng góp vai trò chủ yếu thúc đẩy sự tăng trưởng như các công trình nghiên cứu trước đây đã kết luận. Các công trình nghiên cứu về Hàn Quốc và Đài Loan cũng cho thấy vai trò của nông nghiệp trong việc giảm nghèo không cao bằng công nghiệp hướng xuất khẩu.

Trái lại Ravallion và Chen (2004) lại cho thấy việc giảm nghèo nhanh ở Trung Quốc từ năm 1980 đến năm 2001 lại chủ yếu do tăng trưởng nông nghiệp nhanh và tăng trưởng kinh tế nông thôn đa dạng.

Nguyên nhân của các sự khác nhau này:

- Điều kiện sinh thái và thời gian của các trường hợp rất khác nhau. Khó có thể tìm kết luận chung của các trường hợp nghiên cứu.

- Tác dụng của tăng trưởng đến giảm nghèo thông qua rất nhiều nhân tử.

- Tác dụng của hoạt động phi nông nghiệp đến giảm nghèo rất quan trọng.

Quá trình phát triển nông thôn có một số đặc điểm:

- Vai trò của công nghệ rất quan trọng trong thời kỳ đầu: cách mạng xanh.

- Việc chuyển từ “an ninh thực phẩm” sang “thu nhập của nông trại” rất khó khăn nhất là ở Ấn Độ và Indônêxia, vì Chính phủ các nước này thích bảo vệ bằng giá và trợ cấp đầu vào hơn là đa dạng hóa và thương nghiệp hóa.

- Giá nông sản giảm trong quá trình phát triển nông nghiệp

Có thể tổng kết lại quá trình phát triển của nông nghiệp có các giai đoạn sau:

1. Tăng năng suất bằng tác động của công nghệ.

2. Chuyển từ thay đổi nông nghiệp sang chuyển đổi cơ cấu.

3. Chuyển an ninh thực phẩm sang đa dạng hóa và thương nghiệp hóa.

Các bài học về quan hệ giữa tăng trưởng và giảm nghèo có thể tổng kết là có ba mối quan hệ cần nghiên cứu:

1. Giữa tăng trưởng nông nghiệp và giảm nghèo: đã xác định một phần lớn GDP nông nghiệp đóng góp vào việc phân phối công bằng. Một chiến lược do nông nghiệp thúc đẩy nếu không hy sinh sự tăng trưởng chung hướng một phần lớn cho người nghèo.

2. Giữa tăng sản xuất lương thực và dinh dưỡng của nhân dân: tăng sản lượng thức ăn nhanh sẽ cải tiến được mức dinh dưỡng nhanh và giảm nghèo.

3. Giữa năng suất nông nghiệp và năng suất tăng trưởng ở các khu vực kinh tế khác: để sự tăng trưởng của một khu vực không làm sai lệch sự sai lệch của kinh tế phải tăng năng suất tổng thể. Sự tăng trưởng của nông nghiệp làm được việc này.

Thường ở các nước không giảm được nghèo, nông nghiệp được đánh giá thấp. Giá nông sản thấp không thúc đẩy được các thay đổi về chính sách. Giá nông sản thấp kéo theo giá lao động thấp, gây tình trạng di cư tạm thời ra thành thị nhiều. Việc giữ giá thực phẩm thấp thúc đẩy sự phát triển công nghiệp cần nhiều lao động và sản xuất nông sản có giá trị cao.

Muốn phát triển nông nghiệp phải có công nghệ và giá hấp dẫn. Các cơ quan nghiên cứu quốc tế đã tạo ra các công nghệ mới nhưng lại làm giảm giá nông sản 20 năm nay.

Phải quản lý kinh tế tốt với hai thành phần của chiến lược phát triển nông nghiệp:

- Một chiến lược kinh tế vĩ mô ít lạm phát, hồi suất hợp lý và lãi suất dương.

- Làm cho giá đúng, xóa bỏ các rào cản cho thương nghiệp trong và ngoài nước, không can thiệp vào giá cả. Trợ cấp giá cả và ổn định rất phổ biến trong thời kỳ cách mạng xanh. Việc độc quyền về lương thực tạo tham nhũng và không hiệu quả.

Nhà nước phải đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nghiên cứu, giáo dục và y tế. Phải tạo một thị trường cạnh tranh, có thông tin và chi phí trao đổi thấp.

3. Các chương trình PTNT của các tổ chức quốc tế

Hiện nay trên thế giới có 4 cơ quan quốc tế có các chương trình PTNT với các nội dung khác nhau:

Sự tiến hóa ...

Cơ quan	EU (cộng đồng châu Âu)	FAO	IFAD	WB
Tên chương trình	Chống nghèo nông thôn	Chống đói	Kết thúc nghèo nông thôn	Tiếp xúc người nghèo nông thôn
Mục tiêu	Thúc đẩy tăng trưởng nông thôn - Bảo đảm tiếp cận tài sản, thị trường và dịch vụ công bằng hơn - Trợ giúp phát triển con người và xã hội - Bảo đảm quản lý tài nguyên tự nhiên bền vững - Giảm rủi ro - Xoá loại trừ xã hội và chính trị	- Xung đột và tai hoạ tự nhiên - Nguồn nước ngọt - Tiến hóa kỹ thuật - Toàn cầu hóa, hàng hóa công và thương nghiệp - An ninh thực phẩm - Quyền được ăn		Nhằm người nghèo - Thúc đẩy tăng trưởng rộng - Tiếp xúc tất cả nông thôn - Liên kết với tất cả tác nhân - Chú ý ảnh hưởng đến các nước khách hàng
Ưu tiên		- Tăng năng suất nông nghiệp, sinh kế và an ninh thực phẩm - Phát triển và bảo vệ tài nguyên tự nhiên - Mở rộng cơ sở hạ tầng và tiếp cận thị trường - Tăng và phổ biến kiến thức - Bảo đảm tiếp cận thực phẩm	- Vai trò của lương thực với sinh kế người nghèo - Đòi hỏi phân phối nước tốt hơn - Phân phối lại tài sản, thể chế và thị trường - Chú ý hơn đến phụ nữ, dân tộc thiểu số và dân miền núi và khô hạn	- Thúc đẩy một môi trường thuận lợi cho tăng trưởng nông thôn - Tăng năng suất nông nghiệp và sức cạnh tranh - Khuyến khích tăng trưởng kinh tế phi nông nghiệp - Cải tiến phúc lợi xã hội, quản lý rủi ro - Đẩy mạnh quản lý tài nguyên tự nhiên bền vững

S. Maxwell, giám đốc Viện phát triển nước ngoài (ODI) của Anh (2003) nghiên cứu các chương trình trên có các nhận xét sau:

- Tất cả các chương trình đều dựa vào nông nghiệp và tài nguyên tự nhiên, không nói đến PTNT tổng hợp như các năm 1970.

- Tất cả đều nhấn mạnh về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, cung cấp hàng hóa công, bảo vệ môi trường và phi tập trung hóa dịch vụ nông thôn. Không có tài liệu nào nói đến đa dạng hóa ngoài nông nghiệp.

- Tất cả đều tập trung vào giảm nghèo, có tài liệu nói đến công bằng, tất cả đều nói đến tiếp cận đến tài sản và dịch vụ, với mạng lưới bảo hiểm, nhưng không có tài

liệu nào nói đến việc giảm tính cạnh tranh của nông trại nhỏ, cũng như đến việc đánh thuế.

- Điểm yếu chung là không có tài liệu nào nói đến đô thị hóa, sự thay đổi của các ngành hàng, việc xuất hiện siêu thị, và nhất là đến giới hạn của tự do hóa trong điều kiện hậu đồng thuận Washington.

- Có những sự khác nhau giữa các cơ quan: EU muốn đưa các vấn đề nông thôn vào kế hoạch chung cả nước; FAO chú ý đến mạng lưới bảo hiểm và quyền được ăn; IFAD tập trung vào lương thực và nông trại nhỏ; WB hướng nhiều vào tăng trưởng nông nghiệp và thân thiện với thị trường.

Nói một cách châm chọc thì: chương trình của FAO là chương trình phát triển dựa vào nông nghiệp của những năm 1960 được cập nhật; của IFAD là phiên bản cập nhật của cách mạng xanh dựa vào nông trại nhỏ; của EU là phiên bản cập nhật của PTNT tổng hợp của các năm 1970; còn của WB là phiên bản cập nhật của chiến lược dựa vào thị trường của những năm 1980.

150 tổ chức phi chính phủ trong Mạng lưới hành động thuốc trừ sâu bệnh (PANNA, (2002) đã phản đối chiến lược phát triển nông thôn của WB. Chiến lược này cho rằng tự do hóa buôn bán và tư nhân hóa nguồn lợi công và dịch vụ công sẽ giảm nghèo. Chiến lược này phân tích các rào cản của nông dân nhưng không nói đến do các công ty đa quốc gia và người giàu nông thôn đang làm giàu trên lưng của nông dân. Chiến lược này định dùng cơ chế thị trường để chuyển nông dân tự cấp và ít hướng vào thị trường thành các nông trại sản xuất hàng hóa. Chiến lược này chủ trương tư nhân hóa nghiên cứu, khuyến nông và tiếp cận thị trường và giao nông dân vào tay của các công ty đa quốc gia, giảm vai trò của khu vực nhà nước. Chiến lược này khuyến khích việc chuyên môn hóa sản xuất theo kiểu cách mạng xanh, giảm việc đa dạng hóa. Chiến lược này thúc đẩy việc phát triển công nghệ sinh học vì cho rằng công nghệ sinh học sẽ giúp giảm nghèo. Chiến lược này còn chủ trương thị trường hóa nước và cải cách ruộng đất có sự tham gia của thị trường bằng cách tạo một thị trường ruộng đất (!).

4. Một số khó khăn trong phát triển nông thôn

Khu vực phi nông nghiệp, nông thôn là cái cầu giữa nông nghiệp hàng hóa (thường đứng trong sự mâu thuẫn giữa tăng năng suất và giảm giá) và sinh kế tạo ra trong công nghiệp và dịch vụ đô thị. Hơn một nửa thu nhập ở nông thôn là từ phi nông nghiệp nên nó là một cái thang để từ không có việc làm đến có việc làm thường xuyên trong

kinh tế nông thôn và từ đó có việc làm trong khu vực hình thức.

Việc xây dựng một nền nông nghiệp năng động và hiệu quả hiện nay không phải dễ vì những lý do sau:

1. Các điều kiện xuất phát mới khó khăn hơn: một số nước châu Phi có mật độ dân số thấp; giá nông sản thấp; các vùng chưa có cách mạng xanh là các vùng xa và khó khăn.

2. Các nước giàu bảo vệ nông dân của họ và lo mất thị trường xuất khẩu: các nước đã phát triển trợ cấp nông nghiệp làm cho giá nông sản xuống thấp, đẩy mạnh xuất khẩu nông sản ở các nước này. Một đô la trợ cấp ở nước giàu làm nông dân các nước nghèo phải trả giá như vậy.

3. Các công nghệ mà nông dân có thể áp dụng bị hạn chế: 20 năm nay năng suất cây có hạt không tăng nữa, ở châu Phi điều kiện khó khăn để có các hệ thống canh tác đồng đều.

4. Các nước cấp viện trợ bối rối trong việc viện trợ vì thiếu một lý thuyết phát triển. Chiến lược viện trợ thay đổi luôn: năm 1950: phát triển cộng đồng, năm 1960: thay thế nhập khẩu, năm 1970: tiếp xúc những người nghèo nhất, năm 1980: điều chỉnh cơ cấu, năm 1990: phát triển bền vững và hiện nay phát triển do cộng đồng hướng dẫn.

Theo Bộ Phát triển quốc tế Anh (DFID) hiện nay có hai ý kiến khác nhau đối với kinh tế tiểu nông:

- Phái bị quan cho rằng nó thiếu tính cạnh tranh trong điều kiện các ngành hàng đã thay đổi và thương nghiệp toàn cầu hóa (Maxwell, 2004).

- Phái lạc quan cho rằng ở châu Phi tiểu nông không bị ảnh hưởng của chi phí vận chuyển cao vì chủ yếu là tự cấp.

Các bước hiển nhiên của việc phát triển là:

1. Ưu tiên: tăng trưởng đến được người nghèo.

2. Đầu tư vào sức khỏe và giáo dục để tăng năng suất và sự di động.

3. Làm cho di cư nông thôn-đô thị dễ dàng lúc phát triển nông nghiệp đất quá.

4. Thúc đẩy cải cách buôn bán thế giới để nông nghiệp các nước đang phát triển có lợi.

5. Đầu tư vào khoa học cả ở mức quốc tế và quốc gia.

6. Phi tập trung hóa đầu tư để đầu tư đến được hộ nông dân.

5. Phát triển nông thôn tích hợp dựa vào cộng đồng

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, trong quá trình công nghiệp hóa ở các nước, nông thôn là khu vực chịu nhiều thiệt thòi nhất. Do trong các bước đi không tính toán đến lợi ích của nông thôn, nên rút cuộc lại phải tốn nhiều công của để sửa chữa sai lầm. Nếu ở nước ta trong giai đoạn tới không có một chính sách bảo vệ nông nghiệp thì sẽ lâm vào tình trạng như các nước đi trước.

Mâu thuẫn lớn nhất hiện nay là mục tiêu của Nhà nước và của nông dân khác nhau. Nhà nước coi nông nghiệp là một khu vực của nền kinh tế, phải tăng trưởng thế nào để vừa đảm bảo được an ninh thực phẩm, vừa có thặng dư để đóng góp cho công cuộc công nghiệp hóa. Còn nông dân sống trong xã hội nông thôn cần có đời sống ngày càng được nâng cao, cùng với mức sống của đô thị. Trong xã hội nông thôn không chỉ có nông nghiệp, mà còn có công nghiệp, dịch vụ. Những nghiên cứu gần đây về sinh kế của nông dân trên thế giới và nước ta cho thấy, nông dân có xu hướng đa dạng hóa sinh kế để tăng thu nhập và trong thu nhập của nông dân phần từ các hoạt động phi nông nghiệp ngày càng cao. Không phải giá trị gia tăng của nông nghiệp đều được quay trở về cho nông dân mà còn được phân phối cho khu vực phi nông nghiệp. Vì vậy nông dân không chỉ sống từ nông nghiệp. Trên thế giới gần đây trong phát triển nông thôn xuất hiện xu hướng “sinh kế bền vững” trong đó bao gồm cả mục tiêu giảm nghèo, phát triển bền vững và sinh kế.

Mục tiêu của nông dân là tăng thu nhập, bất cứ từ hoạt động kinh tế nào, do đó họ đa

dạng hóa hoạt động kinh tế. Hộ nông dân có nhiều người có khả năng lao động khác nhau. Muốn có thu nhập cao mỗi thành viên của gia đình phải làm việc thích hợp nhất.

Nhà nước muốn có những khối lượng hàng hóa lớn để xuất khẩu do đó phải quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh, phát triển các hộ nông dân chuyên môn hóa. Hiện nay có nhiều nước đang muốn chuyển từ mục tiêu “an ninh thực phẩm” sang mục tiêu “sinh kế bền vững” hay “thu nhập nông trại”, nhưng gặp nhiều khó khăn vì các chính sách của nhà nước cản trở.

Nông nghiệp càng phát triển mạnh thì giá nông sản càng giảm xuống. Từ đầu thế kỷ XX, giá nông sản tính theo giá cố định có xu hướng giảm dần, vì năng suất lao động trong nông nghiệp ngày càng tăng do sự tiến bộ nhanh chóng của công nghệ và do việc trợ cấp nông nghiệp của các nước công nghiệp. Chúng ta cố gắng phát triển khuyến nông để đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhưng không biết rằng chính việc này là nguyên nhân làm giảm giá nông sản trên thị trường. Giá cả thị trường còn có một đặc tính khác là không ổn định vì nó phản ánh cân bằng giữa cung và cầu. Nếu nước ta gia nhập WTO thì ảnh hưởng của việc giảm giá quốc tế càng mạnh hơn vì giá nông sản thế giới phụ thuộc vào ý đồ của các tập đoàn đa quốc gia. Đã công nhận kinh tế thị trường thì phải chấp nhận sự rủi ro của thị trường: giảm giá và giá không ổn định. Phải có các biện pháp để tránh các rủi ro của thị trường. Biện pháp hữu hiệu nhất để tránh rủi ro là đa dạng hóa sản xuất. Ngoài ra phải phấn đấu để không ngừng giảm giá thành nông sản bằng việc cải tiến công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

Phát triển nông thôn ở nước ta thường do các bộ làm không có sự phối hợp chặt chẽ. Các dự án phần nhiều tiếp cận từ trên xuống và ít hiệu quả. Muốn mở rộng và tăng chất lượng của phát triển nông thôn phải áp dụng tiếp cận dựa vào cộng đồng.

Các tiếp cận phát triển nông thôn truyền thống thường nhằm vào tăng năng suất

nông nghiệp, coi đó là động lực của PTNT và giảm nghèo. Mặc dù nông nghiệp giữ một vai trò chủ yếu trong kinh tế nông thôn, nhưng hoạt động nông nghiệp không phải là nguồn độc nhất của thu nhập. Hiện nay, nhiều vùng nông thôn có tỷ lệ thu nhập từ phi nông nghiệp cao. Hơn nữa WB nhấn mạnh rằng nghèo khổ không phải chỉ do thiếu thu nhập mà còn do thiếu quyền lực, cơ hội và an ninh. Vì vậy, để chiến lược giảm nghèo có hiệu quả, chúng ta phải nhìn xa hơn nông nghiệp và xử lý một cách tổng hợp đến mức sống nông thôn. Chiến lược phải công nhận và dựa vào các mối quan hệ giữa các khu vực xã hội, cơ sở hạ tầng, quản lý, kinh tế nông hộ và ngoài nông hộ.

Trong các năm 1970, nhiều tổ chức quốc tế áp dụng tiếp cận phát triển nông thôn tích hợp (integral), với mục đích tấn công vào nghèo khổ một cách tổng hợp, hy vọng có một sự tương tác giữa các dịch vụ. PTNT tích hợp đề ra các hệ thống nông nghiệp gắn với huấn luyện, dịch vụ xã hội, cơ sở hạ tầng. Trước đây chương trình PTNT tổng hợp thất bại trong việc cải tiến đời sống nông thôn, thất bại vì quá tập trung, dè dặt trên xuống. Tiếp theo các kết quả thất vọng của PTNT tổng hợp, các tổ chức hỗ trợ lại quay trở về các chương trình theo từng nhân tố truyền thống.

Gần đây các tổ chức hỗ trợ lại muốn quay về tiếp cận tích hợp với sự tham gia của nông dân vào quá trình ra quyết định. Phải tạo quyền lực cho các cộng đồng làm việc với chính phủ và khu vực tư nhân. PTNT trên cơ sở cộng đồng là một tiếp cận giảm nghèo bằng cách tạo hành động tập thể của cộng đồng và cho họ kiểm tra các sự can thiệp, lấy các tổ chức cộng đồng làm động lực phát triển.

Một tổ chức cộng đồng là một tổ chức gồm những người có cùng một lợi ích chung, như các tổ chức người sản xuất, các nhóm cùng nguồn lợi, các ban phát triển của làng. Sự phát triển dựa trên khái niệm về vốn, nhấn mạnh các nguồn vốn khác nhau của cộng

đồng: vốn tự nhiên, vốn vật lý (cơ sở hạ tầng), vốn tài chính, vốn con người (giáo dục), vốn xã hội.

Vốn xã hội là các thể chế, quan hệ và tiêu chuẩn tạo nên chất lượng và số lượng của các tác động lẫn nhau trong một xã hội. Vốn xã hội theo nghĩa hẹp bao gồm các hội quần chúng, các mạng lưới xã hội đi đôi với các tiêu chuẩn có tác dụng đến năng suất của cộng đồng. Vốn xã hội làm dễ dàng sự điều phối và hợp tác.

Các nguyên tắc của PTNT dựa vào cộng đồng là:

- Tạo môi trường thể chế cơ bản: luật lệ, quy ước, hỗ trợ của nhà nước.
- Củng cố các tổ chức cộng đồng.
- Tăng cường năng lực các tác nhân.
- Khuyến khích sáng tạo bằng các biện pháp mềm dẻo.

Trong quá trình PTNT có một số việc trước kia do Nhà nước làm, nay phải giao cho các cộng đồng nông thôn thực hiện. Phải bồi dưỡng và hỗ trợ cho các cộng đồng để họ có đủ điều kiện tự đứng ra thực hiện công việc này.

Công tác phát triển nông thôn là hoạt động tổng hợp, phải có sự tham gia của nông dân vào quá trình ra quyết định. Việc xác định các chính sách phát triển phải có sự tham gia của nhân dân. Quá trình này gồm có nhiều giai đoạn:

1. Xác định mục tiêu của chính sách.
2. Xác định đặc điểm của hệ thống: giới hạn, vấn đề, tác nhân. Thu thập thông tin, trình bày hệ thống. Trước hết cần xác định các tác nhân tham gia vào quá trình phát triển. Trình bày công việc của các tác nhân trên quan điểm kinh tế, xã hội và thể chế.

PTNT trên cơ sở cộng đồng là một cách tiếp cận giảm nghèo khá hiệu quả bằng cách tạo hành động tập thể của cộng đồng và cho họ kiểm tra các sự can thiệp, lấy các tổ chức cộng đồng làm động lực phát triển.

Bộ môn Hệ thống nông nghiệp của Viện Khoa học nông nghiệp hợp tác với Tổ chức

GRET của Pháp đã thực hiện phát triển nông thôn theo quan điểm Hệ thống nông nghiệp, dựa vào cộng đồng bằng cách giúp nông dân xây dựng các tổ chức nông dân để thực hiện các dịch vụ nông nghiệp (quản lý thủy nông, nhân giống, chăn nuôi, thú y, tín dụng, tiêu thụ nông sản, xây dựng thương hiệu...). Các hình thức tổ chức này đang từng bước tiến lên thành lập các hợp tác xã kiểu mới (Bergeret, 2002).

Tổ chức nông dân cần đa dạng để thích ứng với các điều kiện khác nhau về đặc điểm địa phương và trình độ phát triển. Trong nông nghiệp truyền thống, các tổ chức nông dân cần cho sự hoạt động của nông nghiệp gia đình, thường là các tổ chức nhằm giải quyết các mối quan hệ giữa các thành viên trong việc tiếp xúc với các phương tiện sản xuất như đất, nước. Trong bước đầu của sự phát triển, muốn chuyển từ tình trạng tự cấp sang sản xuất hàng hóa cần có các tổ chức cung cấp các loại dịch vụ đầu vào cũng như đầu ra cho sản xuất, dịch vụ cho nông dân. Hiện nay chúng ta muốn phát triển hợp tác xã, nhưng để tiến lên hợp tác xã là một hình thức cao nhất của sự hợp tác, cần có các tổ chức nông dân đơn giản mang tính chất tương trợ để nông dân có thể học tập trong thực tế, phát triển lên các hình thức tổ chức cao hơn. Việc xây dựng tổ chức nông dân là một quá trình lâu dài và phức tạp, không thể từ chỗ chưa có gì bước ngay lên các hình thức tổ chức cao như hợp tác xã.

Các tổ chức nông dân kiểu mới là các tổ chức không phải nhằm giải quyết các quan hệ bên trong nữa, mà là tổ chức thêm các mối quan hệ với bên ngoài như việc giúp cho sự tiếp xúc với thị trường và xã hội. Các tổ chức nông dân là các cơ cấu trung gian giữa người sản xuất và các tác nhân khác trong môi trường kinh tế, thể chế và chính trị.

Các tổ chức nông dân thường có các chức năng sau:

1. Đại diện và bảo vệ các quyền lợi của người sản xuất như các nghiệp đoàn.

2. Chức năng kinh tế và kỹ thuật, cung cấp các dịch vụ cho hội viên.

3. Quản lý các nguồn lợi tự nhiên và tài sản, như sử dụng nước, đồng cỏ...

4. Chức năng phát triển xã hội, phát triển địa phương.

6. Các nguyên lý của chương trình phát triển nông thôn

Chương trình phát triển bền vững của FAO đề nghị các giáo sư của Trường Đại học California Berkeley, A. De Janvry và E. Sadoulet (1996) tổng kết lại các nguyên lý của việc PTNT. Các giáo sư cho rằng, trong 10 năm qua, trên thế giới đã có nhiều tiến bộ trong việc điều chỉnh kinh tế, chuyển đổi trong trị lý và phát triển xã hội dân sự, trong PTNT đã có nhiều thí nghiệm về PTNT có sự tham gia của xã hội dân sự và phi tập trung. Qua các thí nghiệm ấy có thể tổng kết rút ra 7 nguyên lý chung nhất:

1. *Một bối cảnh vĩ mô lành mạnh, đạt được trong chương trình ổn định và điều tiết là điều kiện để PTNT thành công.* Trước hết là sự loại bỏ tình trạng chống nông nghiệp do quá đề cao tỷ suất hối đoái, thay thế nhập khẩu, đánh thuế trực tiếp nông nghiệp, chống lạm phát không khuyến khích đầu tư. Việc tự do hóa tỷ suất hối đoái và buôn bán làm cho hệ thống giá thực tế và đáng tin hơn, sẽ tạo ra khuyến khích lợi ích trong nông nghiệp. Về ngắn hạn, lợi ích này có thể bị triệt tiêu do xóa bỏ trợ cấp, nhưng nhà nước phải quản lý hệ thống lợi ích này để nông nghiệp có thể hiện đại hóa và đa dạng hóa để tìm các lợi thế so sánh mới. Ngay lúc các lợi ích này có hiệu quả, nông nghiệp chỉ có lãi nếu có một hệ số co dãn cao của cung. Cần có điều tiết vĩ mô để đặt ra nhân tố quyết định hệ số co dãn cao ấy. Lúc tăng lợi ích của người bán nông sản phải tăng giá thực phẩm và tạo nên thất nghiệp. Biện pháp này sẽ làm cho các hộ nông dân nhỏ nghèo thêm. Muốn giúp người nghèo phải có các chương trình tạo việc làm và trợ cấp lương thực. Việc này chỉ có tác dụng chuyển tiếp chứ không giải quyết

vấn đề nghèo một cách cơ bản.

Bối cảnh vĩ mô sẽ thay đổi theo các cuộc khủng hoảng và cơ hội quốc tế. Cần phối hợp tốt việc xây dựng chính sách vĩ mô và chính sách PTNT. Chương trình PTNT muốn thành công phải giải quyết các vấn đề sau:

- Cơ quan PTNT của nhà nước cùng với xã hội dân sự cần phải đối thoại thường xuyên với cơ quan xây dựng chính sách vĩ mô.

- Đặt cơ quan PTNT ở đâu trong chính phủ là việc khó khăn vì việc PTNT liên quan đến nông nghiệp, xã hội, môi trường, kế hoạch và tài chính.

- Việc tách rời PTNT với chính sách xã hội là cần thiết để việc PTNT không trở thành việc tìm kiếm tô tức và không để cho cơ quan chính phủ dùng PTNT để đạt các lợi ngắn hạn.

2. *Việc thiếu các thể chế do chính phủ thu hẹp lại là rào cản cho các hộ nhỏ muốn đầu tư.* Chính sách ổn định và điều tiết dẫn đến việc giảm vai trò của nhà nước trong kinh tế. Một số các thể chế nhà nước bị thu hẹp, xoá bỏ hay tư nhân hóa. Các hộ nông dân nhỏ thiếu các thể chế hỗ trợ trong hoạt động. Việc tự do hóa thị trường ruộng đất làm cho ruộng đất tập trung vào các hộ lớn. Phải tạo ra các thể chế xã hội dân sự như các hội nông dân và hợp tác xã để giúp các hộ nông dân nhỏ. Việc xã hội hóa và địa phương hóa các dịch vụ nông nghiệp thay cho chính phủ sẽ có hiệu quả hơn vì sát với thực tế hơn.

3. *Tình trạng nghèo làm cho người nghèo không kiểm soát được các tài sản tạo ra thu nhập* như ruộng đất, nước, công cụ, máy móc, y tế, giáo dục, tay nghề, các kiến thức về tổ chức, vốn xã hội giúp họ tham gia vào các tổ chức xã hội có chi phí giao dịch thấp như hội nông dân, hợp tác xã. Song song với PTNT phải có các chương trình giảm nghèo.

Việc cải cách ruộng đất hiện gặp các khó khăn sau:

- Thường các hộ nông dân nhỏ có hiệu quả hơn các hộ lớn, thuê nhân công, vì gắn

liên với quyền lợi nông dân và sử dụng lao động gia đình. Nhưng quy luật này bị các chính sách hỗ trợ các hộ lớn như tín dụng, khuyến nông, tiêu thụ sản phẩm, khuyến khích trang trại lớn tác động. Xoá bỏ các chính sách này sẽ làm tăng hiệu quả sản xuất và công bằng xã hội.

- Phải chống lại thế lực chính trị của cường hào ở nông thôn muốn chiếm dụng ruộng đất và có biện pháp giảm bớt việc di cư khỏi nông thôn để tìm kiếm việc làm.

- Phải khuyến khích việc xây dựng các dịch vụ nông thôn như tín dụng, cung cấp đầu vào, khuyến nông, tiêu thụ nông sản bằng các thể chế xã hội dân sự (tổ chức nông dân, hợp tác xã).

- Nhà nước phải có các chính sách thúc đẩy bảo vệ và thực hiện công bằng ruộng đất, xây dựng cơ sở hạ tầng và cung cấp hàng hóa công (dịch vụ) bổ sung cho thị trường và xã hội dân sự.

4. *Người nghèo ở nông thôn rất đa dạng, giải pháp giảm nghèo phải được phân hóa, tín dụng, cơ sở hạ tầng, thông tin, bảo hiểm.* Các hộ nghèo thường khác nhau về tài sản về tiếp xúc với thị trường. Nguồn thu nhập của các hộ cũng rất đa dạng: trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá, làm thuê, thủ công nghiệp, buôn bán nhỏ, tìm việc làm nơi khác. Muốn có giải pháp giảm nghèo phân hóa phải tiến hành phân kiểu hộ và có giải pháp khác nhau cho từng kiểu hộ.

5. *Vì các giải pháp đa dạng và thay đổi theo thời gian nên chương trình PTNT phải do nhu cầu hướng dẫn, nghĩa là phải cho các hộ nghèo biết các biện pháp hỗ trợ tổ chức và kỹ thuật có thể có để họ xác định các giải pháp cần cho họ.* Chương trình PTNT theo nhu cầu hướng dẫn có một số nguyên tắc sau:

- Phải tổ chức các hộ nghèo nhất và ít tham gia tổ chức nhất vào cộng đồng.

- Phải có một tổ chức tập hợp các cơ quan có trách nhiệm PTNT với các tổ chức địa phương, đề nghị với các cộng đồng đề nghị

các dự án và xét trợ cấp hay cho vay trên cơ sở cạnh tranh.

- Phải có các chuyên gia giúp các cộng đồng xây dựng các dự án. Các cộng đồng phải cam kết đóng góp nguồn lợi địa phương vào hoàn trả tín dụng và đạt kết quả có thể tin được.

- Tổ chức thực hiện chương trình phải minh bạch, công khai tất cả các hoạt động, ngân sách và kết quả.

- Phải có sự liên kết của người nghèo để đòi chương trình PTNT phải phục vụ cho họ, vì ngoài ra còn có các nhóm quyền lợi khác tạo sức ép để chương trình này mang lại quyền lợi cho họ.

Theo các nguyên tắc trên, chương trình PTNT phải thích hợp với điều kiện phát triển xã hội dân sự, phi tập trung và dân chủ hóa và phải như sau:

- Phi tập trung đến các nhóm hộ và cộng đồng.

- Có sự tham gia để có thông tin và nguồn lợi từ địa phương và có sự báo cáo của chính quyền địa phương.

- Do nhu cầu hướng dẫn để phân hóa thích ứng với sự đa dạng của hộ và cộng đồng.

- Hướng thị trường để tạo tính cạnh tranh của hộ nhỏ trong bối cảnh kinh tế và thể chế mới.

- Phải xây dựng xã hội dân sự để thay cho các dịch vụ do nhà nước thực hiện.

- Phải tách rời với việc cung cấp phúc lợi để giảm sự mong đợi ban ơn từ nhà nước.

- Phải có sự hợp tác giữa nhà nước và xã hội dân sự, tăng sự hỗ trợ của hai kiểu thể chế ấy.

- Dựa trên sự đòi hỏi của liên kết người nghèo đòi chương trình phải bền vững.

- Phải tổ chức được quá trình học hỏi dựa trên sự tham gia của quần chúng.

6. Nhà nước phải xác định lại vai trò mạnh mẽ để hỗ trợ và bổ sung vào vai trò

của xã hội dân sự trong các chương trình PTNT. Nhà nước phải củng cố các cơ quan thực hiện, nhất là ở cấp địa phương và huy động sự tham gia của xã hội dân sự. Nhà nước phải tiếp tục thực hiện các chính sách vĩ mô và ngành để hỗ trợ cho phát triển nông thôn, cung cấp hàng hóa và dịch vụ công, điều tiết tác dụng môi trường, điều tiết sự cạnh tranh của thị trường, thúc ép các hợp đồng, cung cấp thông tin, có thể tạo ra công nghệ, giúp người nghèo tiếp xúc với tài sản, phúc lợi và mạng lưới an toàn.

Một số nước, nhà nước trung ương phân cấp cho địa phương, nhưng việc phân cấp chỉ có hiệu quả lúc có các hình thức trị lý dân chủ ở cấp địa phương, có sự phân cấp về thuế, huấn luyện cho cán bộ về phương pháp phát triển nông thôn có sự tham gia.

Việc tự do hóa thị trường, giao trách nhiệm cho xã hội dân sự chỉ thực hiện được nếu có một nhà nước mạnh, chủ động và hiệu quả.

7. PTNT thành công đòi hỏi phải có một ngành nông nghiệp thịnh vượng, nhưng vấn đề nghèo và giữ lại dân số nông nghiệp không thể giải quyết được nếu chỉ có một mình nông nghiệp, không thể có PTNT thành công. Mặc dù thu nhập từ nông nghiệp chiếm phần quan trọng, phát triển nông nghiệp thành công chỉ là một điều kiện tiên quyết cho PTNT. Tuy vậy, tăng trưởng nhanh của dân số nông thôn, đất ít và áp lực môi trường tăng thêm, cần phát triển hoạt động ngoài nông trại và phi nông nghiệp như là một hợp phần thống nhất của PTNT. Muốn vậy phải:

• Việc phát triển các doanh nghiệp nhỏ sẽ làm tăng giá trị gia tăng của nông nghiệp và tăng thu nhập của nông dân. Các doanh nghiệp nhỏ này là một khu vực phi hình thức sử dụng nhiều lao động, bổ sung cho khu vực hiện đại.

• Việc đào tạo tay nghề và nâng cao vốn con người để có thể tham gia vào thị trường lao động và di cư tạm thời.

• Sự phát triển của thể chế tài chính để chuyển tiền gửi về để doanh nhân địa phương đầu tư vào các hoạt động tạo việc làm.

Nói chung việc phát triển doanh nghiệp nhỏ không thuộc lĩnh vực quản lý của bộ nào và ở các vết nứt của bộ máy quản lý công. Các tổ chức quốc tế cũng gặp khó khăn lúc làm việc với các nước vì tính chất chuyên nghiệp của từng tổ chức, khó phối hợp với nhau.

Tính chất phức tạp và đa ngành của việc PTNT bao gồm cả tính kinh tế, thể chế, chính trị đòi hỏi phải có các sáng tạo địa phương và làm thủ. Các chương trình này phải mang tính học tập, các tác nhân khác nhau tham gia chương trình để rút ra các bài học. Vì vậy, các bài học rút ra từ nhiều sáng kiến phải được một khoa học phát triển mới tổng kết lại./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

- ADB, Effectiveness of participatory approaches, 2004.
- Bergeret P., Paysans, Etat et marches au Vietnam, GREP, Karthala, Paris, 2002.
- Bộ môn Hệ thống nông nghiệp, Nghiên cứu luận cứ khoa học để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, Hà Nội, 2005.
- Bruentrup M., Heidhues F., Subsistence agriculture in development: Its role in processes of structural change, Institute of Agricultural economics and social science, Hohenheim university, 2001.
- Carney D. (ed.) Sustainable rural livelihoods: What contribution can we make? DFID, London, 1998.
- Coirolo L., McLean K., Mokoli M., Ryan A., Shah P., Williams M., Community based rural development, Reducing rural poverty from the ground up, World bank 2001.
- CPRGS, A comprehensive poverty reduction and growth strategy of Vietnam, Office of the Prime Minister, Hanoi, 2002.
- Dao The Anh, Réformes socio-économiques et adaptation des choix d'activités des ménages

ruraux, Thèse de doctorat, ENSAM, Montpellier, 2003.

- Dao The Tuan, The peasant household economy and social change in Vietnam, Vietnam's Rural Transformation, Westview Press, 1995.
- De Janvry A., Sadoulet E., Seven Theses in Support of Successful Rural Development, FAO, Sustainable Development Dimensions 1996
- Dorward A., Kydd J., Morrison J., Poulton C., Institutions, markets and policy for pro-poor agricultural growth, Imperial college Wye, London, 2002.
- Ellis F., Biggs S., Evolving themes in rural development 1950s-2000s, Development policy review, 19 (4), 2001, 437-448.
- FAO, Anti-hunger programme: Reducing hunger through agricultural and rural development and wider access to food, Rome, 2002.
- IFAD, Rural poverty report 2001, The challenge of ending rural poverty, Oxford univ. press.
- Johnston B., Mellor J., The role of agriculture in economic development, American economic review, 51 (4), 1961, 566-593.
- Lewis W, Economic development with unlimited supplies of labor, Manchester school of economic and social studies, 22(2), 1954, 139-191.
- Maxwell S., Six characters (and a few more) in search of an author: how to rescue rural development before it's too late, 25-th International conference of agricultural economics, Durban, 2003.
- Norman D., The farming system approach: ahistorical perspectives, 17-th symposium of the International farming systems association, Lake Buena Vista, 2002
- Pretty J., Social capital and connectedness: Issues and implications for agriculture, rural development and natural resources management in ACP countries, CTA .
- Schultz T., Transforming traditional agriculture, New Haven: Yale univ. press, 1964.
- Staatz J., Eicher C., Agricultural development ideas in historical perspective, International agricultural development, 3-rd edition, J. Hopkins univ. press, 1998, 8-38.
- Timmer C. P., The Agricultural transformation, Handbook of development economics, Volume 1, North -Holland, 1988, 275-331.
- World bank, Reaching the rural poor, A renewed strategy for rural development, 2002.